

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **64/2020/KDTM-ST**

Ngày: 25/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh.

2. Bà Lê Thị Tổ Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/TLST-KDTM ngày 25/12/2018 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐST-KDTM ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K V; trụ sở Đường số 7, khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1991 (theo văn bản ủy quyền số 50/2018/UQ-KV ngày 29/11/2018); địa chỉ Đường số 7, khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn M Q A; địa chỉ trụ sở: đường Tỉnh Lộ 10, khu phố 2, phường T, quận B, Tp. H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ H H, sinh năm 1979; địa chỉ đường Tỉnh Lộ 10, khu phố 2, phường T, quận B, Tp. H.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 18/12/2018; bản tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K V có đại diện theo ủy quyền ông Bùi Tấn Đ trình bày: Ngày 01/11/2017, chi nhánh Công ty TNHH K V tại Bắc Ninh (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH M Q A chi nhánh tại Bắc Ninh (sau đây gọi là bị đơn) ký hợp đồng nguyên tắc số 1252/HĐNT/KVBN/2017 về mua bán hàng hóa. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao cho bị đơn số lượng hàng hóa là thức ăn gia súc Dextrose Monhydrate số lượng 10.000kg với đơn giá là 11.400đ/kg thành tiền là 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng), theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0020443 lập ngày 12/01/2018. Sau khi nguyên đơn giao hàng đầy đủ, đến thời hạn nhưng bị đơn không thanh toán, căn cứ vào hợp đồng, đơn hàng được giao ngày 12/01/2018 thì thời hạn thanh toán chậm nhất là 27/01/2018 (sau 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng), sau đó hai bên có lập biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 18/4/2018. Đại diện nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ bị đơn để làm việc và đề nghị thanh toán nhưng bị đơn cố tình né tránh, không trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, ngày 18/12/2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hàng còn nợ là 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng). Trong quá trình khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, bị đơn đã thanh toán lần lượt cho nguyên đơn vào các đợt như sau:

- Ngày 14/12/2018 trả 14.000.000đ thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Tây Sài Gòn;

- Ngày 31/01/2019 trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

- Ngày 03/6/2019 trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thông qua biên bản bù trừ công nợ số 01/1218/Kienvuong-Maiquanganhbacninh. Dù bị đơn đã thanh toán đủ tiền hàng nhưng xét thấy hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn là nhằm mục đích chiếm dụng vốn, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn được tính theo mức lãi suất của Ngân hàng Viettinbank – chi nhánh Láng Hòa Lạc công bố tại thời điểm bên mua vi phạm là 1,125%, cụ thể như sau: 114.000.000đ tiền hàng đến hạn thanh toán là ngày 27/01/2018 nhưng bị đơn thanh toán lần lượt vào các ngày 14/12/2018 trả 14.000.000đ trễ hạn thanh toán là 10 tháng tương đương số tiền lãi là 1.575.000đ; ngày 31/01/2019 trả 50.000.000đ trễ hạn thanh toán là 12 tháng tương đương số tiền lãi là 6.750.000đ; ngày 03/6/2019 trả 50.000.000đ trễ hạn thanh toán là 17 tháng tương đương số tiền lãi là 9.562.500đ. Tổng số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn là 17.887.500đ (mười bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Ngoài yêu cầu tính lãi nói trên, nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc bị đơn còn phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng với mức phạt vi phạm là 8% trên giá trị chậm thanh toán tương đương số tiền là 114.000.000đ x 8% = 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn và tiền phạt do vi phạm hợp đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 27.007.500đ (hai mươi bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

Công ty M Q A vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không có ý kiến trình bày đối với các yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa số 1252/HĐNT/KVBN/2017 ngày 01/11/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn cùng chi nhánh Bắc Ninh, có cơ sở xác định giữa hai công ty có quan hệ mua bán hàng hóa. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán. Căn cứ hóa đơn thương mại số 0020443 ngày giao hàng 12/01/2018, ngày thanh toán là 27/01/2018 nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 18/12/2018, nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án. Ngày 14/12/2018, 31/12/2018 và 03/6/2019 bị đơn mới thanh toán xong nợ nhưng đã vi phạm thời hạn trả nợ nên phải chịu phạt lãi chậm trả và phạt vi phạm hợp đồng 8% giá trị chậm trả theo khoản 1 Điều 5, Điều 8.3 hợp đồng. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán tiền mua hàng nên phải chịu phạt vi phạm hợp đồng và lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết. Căn cứ vào Điều 24; 50 và 306 Luật thương mại, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền 27.007.500đ (Hai mươi bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng: Công ty K V khởi kiện yêu cầu Công ty M Q A trả tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên. Đây là vụ án kinh doanh thương mại do tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn Công ty M Q A có trụ sở tại Quận Bình Tân nên căn cứ vào Khoản 01 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Về thủ tục xét xử vắng mặt: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo đơn khởi kiện gửi ngày 14/12/2018, nguyên đơn đề nghị bị đơn trả tiền hàng 114.000.000đ; thanh toán tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 12.825.000đ và tiền phạt vi phạm hợp đồng 8% giá trị chậm thanh toán $(114.000.000 \times 8\%) = 9.120.000\text{đ}$. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, bị đơn đã lần lượt thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền hàng 114.000.000đ. Ngày 20/02/2020, đại diện của nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu trả tiền hàng 114.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền lãi do chậm trả tiền hàng là 114.000.000đ theo mức lãi suất của Ngân hàng Viettinbank – chi nhánh Láng Hòa Lạc công bố tại thời điểm bị đơn vi phạm là 1,125% và yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 8% giá trị chậm trả; Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán hàng hóa nguyên tắc số 1252/HĐNT/KVBN/2017 ngày 01/11/2017 được ký kết giữa chi nhánh nguyên đơn và chi nhánh bị đơn có hình thức và nội dung đều phù hợp với quy định của Luật thương mại 2005, Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn. Khi ký kết hợp đồng, hai bên chủ thể đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh hợp pháp, tự nguyện giao kết nên hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với hai bên.

Theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại bị đơn phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Đồng thời, căn cứ khoản 02 Điều 7 của Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 1252/HĐNT/KVBN/2017 do đôi bên ký kết quy định: *“trong trường hợp bên mua không thanh toán đúng thời hạn đã được quy định tại Điều 5 hợp đồng này, bên mua phải chịu lãi suất quá hạn cho số tiền chậm thanh toán căn cứ theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng Viettinbank – chi nhánh Láng Hòa Lạc công bố tại thời điểm bên mua vi phạm về thời gian thanh toán”*. Căn cứ vào các chứng từ thanh toán thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, ngày nguyên đơn giao hàng đầy đủ cho bị đơn là 12/01/2018, thời hạn thanh toán chậm nhất là 27/01/2018 nhưng bị đơn đã thanh toán lần lượt vào các ngày 14/12/2018 trả 14.000.000đ trễ hạn thanh toán là 10 tháng tương đương số tiền lãi là 1.575.000đ; ngày 31/01/2019 trả 50.000.000đ trễ hạn thanh toán là 12 tháng tương đương số tiền lãi là 6.750.000đ; ngày 03/6/2019 trả 50.000.000đ trễ hạn thanh toán là 17 tháng tương đương số tiền lãi là 9.562.500đ, tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 17.887.500đ. Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm bị đơn vi phạm (27/01/2018) do Tòa án xác minh là 14.25%/năm (Công văn số 907/NHNoBT-KTNQ ngày 13/8/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Bình Tân; Công văn số 786/NTBT-KT ngày 13/8/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Bình Tây và Công văn số 643/CNTSG-KHDH ngày 03/9/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tây Sài Gòn). Nhận thấy mức lãi suất nguyên đơn áp dụng tính lãi quá hạn cho bị đơn là 1,125% vẫn có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán là 17.887.500đ (mười bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn còn phải chịu khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng với mức phạt vi phạm là 8% trên giá trị chậm thanh toán tương đương số tiền là 114.000.000đ x 8% = 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng); Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 300 và Điều 301 của Luật thương mại 2005 quy định: *“phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng, nếu trong hợp đồng có thỏa thuận”* và *“mức phạt đối với nghĩa vụ của hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm”*, đối chiếu khoản 3 Điều 8 của Hợp đồng số 1252/HĐNT/KVBN/2017 do hai bên ký kết có thỏa thuận: *“Nếu quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán mà bên mua vẫn không thanh toán thì ngoài việc tính lãi quá hạn như khoản 2 Điều 7 của hợp đồng thì bên mua còn bị phạt chậm thanh toán căn cứ vào mức phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về điều khoản phạt do vi phạm hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn áp dụng mức phạt là 8% trên giá trị chậm thanh toán là 114.000.000đ tương đương số tiền phạt là 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24; 50; 300; 301 và Điều 306 của Luật thương mại;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K V.

Buộc Công ty TNHH M Q A thanh toán cho Công ty TNHH K V tổng số tiền là 27.007.500đ (hai mươi bảy triệu không trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 1252/HĐNT/KVBN/2017 ngày

01/11/2017, trong đó: tiền lãi chậm trả là 17.887.500đ; tiền phạt vi phạm hợp đồng là 9.120.000đ. Thi hành một lần và ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi trả tiền hàng là 114.000.000đ (một trăm mười bốn triệu đồng) của nguyên đơn.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M Q A còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty TNHH K V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty TNHH K V số tiền tạm ứng án phí là 3.398.625đ (Ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0030826 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến